TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 2

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Trong bốn số thập phân dưới đây, số lớn nhất là:

A. 29,17 **B.** 29,27 **C.** 29,179 **D.** 29,08

Câu 2. Hỗn số 59 1/10 viết dưới dạng số thập phân là:

A. 60,1 **B.** 59,01 **C.** 59,1 **D.** 590,1

Câu 3. Phân số 1/25 viết thành phân số thập phân là:

A. 4/1000 **B.** 4/100 **C.** 1/100 **D.** 5/100

Câu 4. Có 24,8 l nước mắm rót đều vào 5 can. Mỗi can có số lít nước mắm là:

A. 49,6 l **B.** 5,06 l **C.** 4,96 l **D.** 19,8 l

Câu 5. 8 kg 591 g = ……. kg

A. 9,591 **B.** 8,0591 **C.** 80,591 **D.** 8,591

Câu 6. Hình thang có đáy lớn 15 cm, đáy bé 6 cm, chiều cao 14 cm. Diện tích hình thang là:

A. 630 cm² **B.** 147 cm² **C.** 294 cm² **D.** 35 cm²

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Phân số 3/4 viết được thành số thập phân 0,75	
b) Hỗn số 2 1/2 bằng 2,1	
c) Hình thang có hai cặp cạnh đối diện song song	
d) Diện tích hình tam giác bằng độ dài đáy nhân với chiều cao	

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 2,5 × 3,35 × 4 = …….

b) 4,89 × 5,4 + 4,89 × 4,6 = …….

c) 42,6 + 31,4 + 2,4 + 0,6 = …….

Bài 3. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 839,24 + 83,8 = …….

b) 390,3 − 32,42 = …….

c) 57,1 × 3,7 = …….

d) 7,45 : 0,5 = …….

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2 m 5 cm = …… m

b) 4 kg 29 g = …… kg

c) 9 km² = …… ha

d) 6900 m² = …… ha

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 9 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 9 cm: …… cm²

c) Chu vi hình tròn đường kính 16 dm: …… dm

Bài 6. Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 27,4 kg gạo, ngày thứ hai bán ít hơn ngày thứ nhất 2,7 kg, ngày thứ ba bán được 16,21 kg. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: …… kg

b) Cả ba ngày bán được: …… kg

c) Trung bình mỗi ngày bán được: …… kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 2

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	C	B	C	D	B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) Đ; b) S; c) S; d) S

Bài 2.

a) $(2{,}5 \times 4) \times 3{,}35 = 10 \times 3{,}35 = 33{,}5$

b) $4{,}89 \times (5{,}4 + 4{,}6) = 4{,}89 \times 10 = 48{,}9$

c) $(42{,}6 + 2{,}4) + (31{,}4 + 0{,}6) = 45 + 32 = 77$

Bài 3.

a) $839{,}24 + 83{,}8 = 923{,}04$

b) $390{,}3 - 32{,}42 = 357{,}88$

c) $57{,}1 \times 3{,}7 = 211{,}27$

d) $7{,}45 : 0{,}5 = 14{,}9$

Bài 4.

a) 2,05

b) 4,029

c) 900

d) 0,69

Bài 5.

a) $9 \times 2 \times 3{,}14 = 56{,}52$

b) $9 \times 9 \times 3{,}14 = 254{,}34$

c) $16 \times 3{,}14 = 50{,}24$

Bài 6.

Ngày thứ hai: $27{,}4 - 2{,}7 = 24{,}7$ (kg)

Cả ba ngày: $27{,}4 + 24{,}7 + 16{,}21 = 68{,}31$ (kg)

Trung bình: $68{,}31 : 3 = 22{,}77$ (kg)